

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						480 975	108 972	372 003			
I		CẢNG CHÍNH						136 969	12 840	124 129			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						37 150	12 840	24 310			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	19/8	2119/8		THANH BÌNH 68	CẨM 5A.1	2 900	2 768	132	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	19/8	2120/8	29/8	THANH BÌNH 68	CẨM 5A.1	4 200	1 498	2 702	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/8	522/8		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 100	5 123	19 977	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 25.100
4		KDT MIỀN BẮC	19/8	2117/8	29/8	HOẢNG ANH 268	CẨM 5A.1	3 750	2 728	1 022	RÓT DỖ	PTCB	
5		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	15/8	2002/8	22/8	BN 8530	CỤC XỎ 1C	1 200	723	477	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						99 819		99 819			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/8	525/8		VINACOMIN 30-01	CẨM 6A.14	26 600		26 600		HỘ LỚN	TTCO: 11.600 TTHG: 15.000
4		KDT MIỀN BẮC	20/8	2145/8	30/8	THANH BÌNH 18	CẨM 5A.1	2 200		2 200		PTCB	
5		CP XNK THAN	21/8	2149/8	31/8	VIỆT THUẬN 03-02	CẨM 5A.1	2 969		2 969		PTCB	
6		THAN MIỀN TRUNG	12/8	2045/8	19/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XỎ 1C	1 300		1 300		TD	
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2070/8	22/8	BN 2665	CẨM 4A.1	2 200		2 200		TD	
8		THAN SỐNG HỒNG	16/8	2079/8	23/8	BN 1816	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
9		THAN SỐNG HỒNG	16/8	2080/8	23/8	BN 1856	CẨM 4A.1	1 050		1 050		TD	
10		VTA	17/8	2093/8	24/8	BN 2611	CẨM 8A	1 100		1 100		TD	
11		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/8	2115/8	25/8	HN 2402	CẨM 4A.1	2 500		2 500		TD	
12		XD CN MỎ	19/8	2121/8	26/8	BN 8707	CỤC XỎ 1C	1 300		1 300		TD	
13		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2142/8	27/8	BN 1798	CẨM 4B.1	1 300		1 300		TD	
14		THAN MIỀN TRUNG	20/8	2045/8	27/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XỎ 1C	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L1
15		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2138/8	27/8	BN 1818	CẨM 4B.1	1 900		1 900		TD	
16		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2143/8	27/8	BN 2115	CẨM 4B.1	1 400		1 400		TD	
17		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2144/8	27/8	BN 2706	CẨM 4B.1	1 600		1 600		TD	
18		KDT HÀ NỘI	21/8	2146/8	28/8	HN 2534	CỤC 4A.1	1 500		1 500		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>175 650</u>	<u>57 281</u>	<u>118 369</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>						<u>23 300</u>	<u>23 156</u>	<u>144</u>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	14/8	513/8		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.10	23 300	23 156	144	22/8	HỘ LỚN	CLM: 23.156
		<u>Tàu dự kiến rút trong ngày</u>						<u>69 900</u>	<u>34 125</u>	<u>35 775</u>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/8	512/8		HẢI NAM 39	CẨM 6A.1	28 650	25 425	3 225	ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/8	516/8		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.14	41 250	8 700	32 550	ĐỎ	HỘ LỚN	KDTC: 10.000 - CLM: 20.000 - KVCP: 11.250
		<u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u>						<u>82 450</u>		<u>82 450</u>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/8	524/8		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 6A.1	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 21.000 - KVCP: 5.300
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/8	517B/8		HẢI NAM 39	CẨM 6A.14	28 650		28 650		HỘ LỚN	KDTC: 7.000 - XNKT: 10.000 - KVCP: 11.2650 Thay TBRT SỐ 517/8
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/8	526/8		HẢI NAM 79	CẨM 6A.10	27 500		27 500		HỘ LỚN	KDTC: 10.000 - XNKT: 13.000 - KVCP: 4.500
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>67 895</u>	<u>16 851</u>	<u>51 044</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>						<u>6 725</u>	<u>6 663</u>	<u>62</u>			
1		CROMIT THANH HOÁ	18/8	2105/8	28/8	TH 0686	CẨM 7C	964	955	9	21/8	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT HÀ BẮC	18/8	2114/8	28/8	BN 1991	CẨM 4A.1	1 650	1 631	19	21/8	PTCB	NGUỒN CS
3		KDT HÀ BẮC	19/8	2127/8	29/8	BN 1313	CẨM 7B	1 845	1 837	8	21/8	PTCB	NGUỒN CS
4		ĐT TM & DV	18/8	2112/8	25/8	BN 1997	CỤC 4B.1	1 100	1 094	6	21/8	TD	NGUỒN TN
5		CROMIT THANH HÓA	19/8	2129/8	26/8	BN 1386	ĐON 8C	1 166	1 147	19	21/8	TD	NGUỒN HL
		<u>Tàu dự kiến rút trong ngày</u>						<u>20 414</u>	<u>10 187</u>	<u>10 227</u>			
1		KDT CẦU ĐUÔNG	18/8	2110/8	28/8	BN 1916	CẨM 7C	1 440	777	663	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT MIỀN BẮC	19/8	2122/8	29/8	QN 8233	CẨM 6B.1	1 610	905	705	RÓT ĐỎ	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	19/8	2124/8	29/8	HP 6559	CẨM 6B.1	1 636	811	825	RÓT ĐỎ	PTCB	
4		KDT HẢI PHÒNG	18/8	2111/8	28/8	HP 4854	CẨM 7C	1 350	946	404	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
5		KDT HẢI PHÒNG	20/8	2141/8	30/8	BN 2329	CẨM 6B.1	1 500	951	549	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
6		THAN MIỀN NAM	14/8	2065/8	21/8	HẢI ẬU 199	CẨM 8A	2 300	1 032	1 268	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	13/8	1973/8	20/8	ND 3692	CẨM 8A	2 400	723	1 677	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
8		VT QUẢNG NINH	17/8	2092/8	24/8	BN 2629	CẨM 8A	1 950	951	999	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN CS

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 8 NĂM 2026

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
IV		KHO CẢNG KM6						15 555	5 801	9 754			
		Tàu đã làm hàng						3 250	3 246	4			
1		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	20/8	2135/8	30/8	TÂN PHÚC 01	Cám 6a.1	3 250	3 246	4	21/8	PTCB	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						6 020	2 556	3 464			
1		NHÔM LÂM ĐÔNG	19/8	2 126	29/8	HOÀNG ANH 39	Cám 5a.1	1 630	1 033	597	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
							Cục 4A.2	1 340	602	739	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		KDT HẢI PHÒNG	20/8	2134/8	30/8	HP 5686	Cám 5b.1	1 850	921	929	RÓT DỖ	PTCB	
3		TĐ THÁI SON HP	20/8	2133/8	27/8	HP 7227	Cục Xô 1b	1 200		1 200		TD	
		Tàu đã làm lệnh						6 285		6 285			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	17/8	2084/8	27/8	MINH TẤN 68	Cám 5a.1	3 700		3 700		PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	21/8	2147/8	31/8	BN 2728	Cám 6a.1	2 585		2 585		PTCB	
V		TÀU XUẤT KHẨU						50 000	-	50 000			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						50 000		50 000			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
2		HÀN QUỐC	14/8	5742		MV JIAN RUI 7	Cục 4A.3	4 000		4 000			
3		HÀN QUỐC	17/8	68/8		MV HAI PENG	CỤC 4B.3	5 000		5 000			
4		INDONESIA	17/8	5771		MV LI FA 2	CỤC 5B.2	23 000		23 000			
5		NHẬT BẢN	21/8	5887		MV RICH OCEAN	CẨM 3B.1	1 500		1 500			
							CẨM 3C.1	1 500		1 500			
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				34 906	16 200	18 706			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						20 000	16 200	3 800			
1		ÚC	12/8	5680		MV WOOLLOOMOOLOO	Than nhiệt xuất xứ từ Úc	20 000	16 200	3 800	BỐC DỖ		TTCO: 15.000 KVCP: 5.000
		Tàu đã làm lệnh						14 906		14 906			
1		NAM PHI	13/8	5705		MV COMMON SPIRIT		14 906		14 906			TTCO: 5.000 - KVCP: 9.960

